

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 3 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Văn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 262/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1988. Nơi ĐKKTT: Xóm HS, xã KL, huyện ND, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Xóm VH, xã KL, huyện ND, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm HS, xã KL, huyện ND, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/11/2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn anh Lê Đức D đăng ký kết hôn ngày 29/10/2013 tại UBND xã KL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống bình thường được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lê Đức D thường xuyên rượu chè, sống không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng vợ con, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường cãi vã nhau dẫn đến mất tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 7/2022 đến nay nguyên đơn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay thấy không còn tình nghĩa vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn anh Lê Đức D. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Quỳnh N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2016 và Lê Hà L, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2018. Vợ chồng ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hà L và giao con chung Lê Quỳnh N cho anh Lê Đức D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn anh Lê Đức D thống nhất với nguyên đơn về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, tính chất hôn nhân, thời gian chung sống hạnh phúc. Từ tháng 8/2022 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị Trần Thị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp về tính cách, lối sống. Nay thấy không còn tình nghĩa vợ chồng nên bị đơn đồng ý ly hôn chị Trần Thị H. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ly hôn bị đơn yêu cầu được nuôi hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tình cảm: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Đức D. Về con chung: Giao con chung Lê Quỳnh N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2016 cho anh Lê Đức D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Lê Hà L, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do các bên chưa có yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Lê Đức D có địa chỉ tại xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Lê Đức D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Đức D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2013, ngày 29 tháng 10 năm 2013 của UBND xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không tôn trọng, không yêu thương, tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã, mất tình cảm vợ chồng. Từ tháng 7/2022 đến nay chị Trần Thị H về bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không

liên lạc, không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không tôn trọng, yêu thương, tin tưởng nhau và không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị H và anh Lê Đức D đều có nguyện vọng được ly hôn nhau. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Đức D.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Đức D có hai con chung là Lê Quỳnh N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2016 và Lê Hà L, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2018. Trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau, các con chung do anh Lê Đức D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, các con phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, anh Lê Đức D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành; chị Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hà L và giao con chung Lê Quỳnh N cho anh Lê Đức D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của anh Lê Đức D và chị Trần Thị H là chính đáng. Vợ chồng đều có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho các con, Hội đồng xét xử giao cho anh Lê Đức D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh N và giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hà L là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc khởi kiện vụ án về yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Đức D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Quỳnh N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2016 cho anh Lê Đức D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Buộc anh Lê Đức D giao con chung Lê Hà Linh, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Đức D và chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu. Khi có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc khởi kiện vụ án về yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004821, ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại